

Số: 63/2020/QĐST-HNGĐ

Thành phố C, ngày 31 tháng 7 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 85/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Chị Lù Thị C, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Bản P3, xã, huyện S, tỉnh C.

Bị đơn: Anh Trần Ngọc T, sinh năm 1987;

Địa chỉ: tổ 10, phường T, thành phố C, tỉnh C.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 54, 55, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 7 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 7 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Lù Thị C và anh Trần Ngọc T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Lù Thị C và anh Trần Ngọc T đều thuận tình ly hôn.

- **Về nuôi con:** Chị Lù Thị C và anh Trần Ngọc T có 01 con chung tên là cháu Trần Ngọc T sinh ngày 05/5/2017, chị Lù Thị C và anh Trần Ngọc T thỏa thuận:

Chị Lù Thị C là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Trần Ngọc T, sinh ngày 05/5/2017 cho đến khi cháu T thành niên (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lò Thị C không yêu cầu anh Trần Ngọc T cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi), anh T nhất trí.

Anh Trần Ngọc T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

- **Về chia tài sản:** Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung chị Lò Thị C và anh Trần Ngọc T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Chị Lò Thị C và anh Trần Ngọc T mỗi người phải chịu 75.000 đồng (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, chị C tự nguyện nộp thay anh T số tiền án phí dân sự sơ thẩm mà anh T phải nộp, anh T nhất trí. Tổng cộng chị C phải nộp là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Xác nhận chị Lò Thị C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho chị Lò Thị C số tiền 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2016/0000469 ngày 25/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh C.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã P, huyện S, tỉnh C;;
- TAND tỉnh C;
- VKSND thành phố C;
- Chi cục THA dân sự thành phố C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Bích Nga